

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO
(Báo cáo BST, TBT)

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 của Chính phủ, theo đó, giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 3726/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2023 thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định với đại diện của các Bộ, ngành có liên quan, Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam và đã xây dựng các dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đến nay dự thảo Nghị định đã hoàn thành, Bộ Tài nguyên và Môi trường và xin kính trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2023, thay thế Luật Tài nguyên nước năm 2012. Luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 với nhiều nội dung mới liên quan đến bốn nhóm chính sách (Bảo đảm an ninh nguồn nước; xã hội hóa ngành nước; kinh tế tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra). Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết 20 nội dung, cụ thể gồm:

- Khoản 9 Điều 7: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia);

- Khoản 5 Điều 9: Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này và quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước tại khoản 4 Điều này (Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước);

- Khoản 6 Điều 10: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 17: Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; quy định danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch;

- Khoản 6 Điều 19: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh);

- Khoản 9 Điều 23: Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định việc xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; quy định nguồn nước phải cấm mốc giới hành lang bảo vệ và việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước (Hành lang bảo vệ nguồn nước);

- Khoản 4 Điều 30: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Ngưỡng khai thác nước dưới đất);

- Khoản 9 Điều 31: Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 và khoản 5 Điều này; việc khoanh định, công bố, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (Bảo vệ nước dưới đất);

- Khoản 8 Điều 35: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Điều hòa, phân phối tài nguyên nước);

- Khoản 3 Điều 37: Chính phủ quy định chi tiết Điều này; trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (Chuyển nước lưu vực sông);

- Khoản 10 Điều 38: Chính phủ quy định chi tiết khoản 4, điểm a khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều này (Quy trình vận hành đập, hồ chứa, liên hồ chứa);

- Khoản 3 Điều 51: Chính phủ quy định đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước và lộ trình thực hiện;

- Khoản 9 Điều 52: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Quy định chung về việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 53: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Thẩm quyền, trình tự, thủ tục kê khai, đăng ký, cấp phép); quy định trình tự, thủ tục kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất;

- Khoản 10 Điều 63: Chính phủ quy định chi tiết khoản 6 Điều này (Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo);

- Khoản 6 Điều 66: Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này (Phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ);

- Khoản 6 Điều 69: Chính phủ quy định chi tiết việc nộp, miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

- Khoản 3 Điều 70: Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Dịch vụ về tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 71: Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình thực hiện việc hạch toán tài nguyên nước (Hạch toán tài nguyên nước);

- Khoản 5 Điều 81: Chính phủ quy định chi tiết việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.

Trong số các quy định nêu trên, các quy định về hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (khoản 5 Điều 31; khoản 9 Điều 52; khoản 5 Điều 53; khoản 6 Điều 69) được quy định ở nghị định khác do đây là những quy định về điều kiện năng lực, cấp phép, cấp quyền khai thác tài nguyên nước, nội dung điều chỉnh rộng, đa dạng, phức tạp nên Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị được quy định tại Nghị định riêng.

Để bảo đảm Luật tài nguyên nước được triển khai thi hành ngay sau khi có hiệu lực, việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước là hết sức cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất với pháp luật về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Kế thừa, giữ lại những quy định còn phù hợp tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012, khắc phục những nội dung chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định pháp luật khác có liên quan. Đồng thời, chỉ quy định chi tiết những điều, khoản mà Luật đã giao cho Chính phủ.

3. Các quy định về thủ tục hành chính trong nội dung Nghị định bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu và minh bạch.

4. Quy định cụ thể những nội dung còn tồn tại, vướng mắc trong các Nghị định quy định chi tiết Luật Tài nguyên nước năm 2012 và phù hợp với các quy định của Luật tài nguyên nước năm 2023, đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, khả thi, thuận lợi cho các ngành, các cấp, các cơ quan và đặc biệt là các tổ chức cá nhân khai thác sử dụng nước trong thực thi quy định pháp luật về tài nguyên nước, đồng thời nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả của các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai

thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể là:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số .../QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm 2023 phê duyệt Chương trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Theo đó, Bộ đã thành lập Ban Soạn thảo và Tổ Biên tập Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước tại Quyết định số 3726/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2023 với đại diện của các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bộ Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Chính phủ và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát các văn bản pháp luật có liên quan, xây dựng Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước và các báo cáo, Bộ đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định. Ngày 18/12/2023, Bộ đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để thảo luận, góp ý để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

3. Ngày ..., dự thảo (lần 2) của Nghị định đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định (Công văn số .../BTNMT-TNN). Dự thảo (lần 2) của Nghị định cũng được Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Công văn số/BTNMT-TNN ngày ...).

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành dự thảo (lần 3) Nghị định.

4. Ngày ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số .../BTNMT-TNN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định (lần 3) để hoàn thiện, trình Chính phủ.

5. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định (lần 4), trình Chính phủ xem xét ban hành.

IV. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định bao gồm 08 chương với **126 điều**, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3).
- Chương II: Điều tra cơ bản tài nguyên nước và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông (từ Điều 4 đến Điều 33).
- Chương III: Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước (từ Điều 34 đến Điều 53).

- Chương IV: Điều hòa, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước (từ Điều 54 đến Điều 71).

- Chương V: Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra (từ Điều 72 đến Điều 97).

- Chương VI: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước (từ Điều 98 đến Điều 124).

- Chương VII: Điều khoản thi hành (từ Điều 125 đến Điều 126).

1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Nghị định này quy định chi tiết Điều 7, khoản 3 Điều 9, khoản 4 Điều 9, Điều 10, Điều 17, Điều 19, Điều 23, Điều 30, khoản 3 Điều 31, Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 38, điểm a khoản 7 Điều 38, khoản 8 Điều 38, khoản 9 Điều 38, Điều 51, khoản 6 Điều 63, khoản 1 Điều 66, khoản 2 Điều 66, Điều 71, Điều 81 Luật Tài nguyên nước về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước; tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước; việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch; rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất; bảo vệ nước dưới đất; điều hòa, phân phối tài nguyên nước; quy mô dự án, trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước; quy trình vận hành đập, hồ chứa, liên hồ chứa; đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước và lộ trình thực hiện; danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ; hạch toán tài nguyên nước và lộ trình thực hiện; việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.

2. Nội dung của Nghị định

Dự thảo Nghị định được kết cấu gồm 07 chương, 126 điều, cụ thể như sau:

a) Chương I Những quy định chung (gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3)

Chương này quy định những nội dung về phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 3).

b) Chương II Điều tra cơ bản tài nguyên nước và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông (gồm 30 điều, từ Điều 4 đến Điều 33)

Chương này quy định những nội dung về: hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước (Điều 4); Yêu cầu chung đối với các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 5); Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt (Điều 6); Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất (Điều 7); Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất (Điều 8); Điều tra, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm,

nhhiễm mặn nguồn nước mặ, nước dưói đấ (Điề 9); Điề tra, đấg giá hiệ trạg khai thắ, sử dụg tài nguồn nước, xả nước thắ vằ nguồn nước (Điề 10); Điề tra, đấg giá khả năng chịu tải củ nguồn nước mặ (Điề 11); Điề tra xác địn dòng chảy tối thiể trê sông (Điề 12); Xác địn nguồg khai thắ nước dưói đấ và khoanh vùng cắ, vùng hạn chế khai thắ nước dưói đấ (Điề 13); Xác địn khả năng bổ sung nhậ tạo nước dưói đấ (Điề 14); Kiể kê tài nguồn nước (Điề 15); Xâ dựng Báo cáo tài nguồn nước quố gia (Điề 16); Đố đặ mặ cắ sông, suối (Điề 17); Điề tra, đấg giá điể biể bồi lắg, sắ, lở lòng, bờ, bãi sông (Điề 18); Xâ dựng báo cáo khai thắ, sử dụg tài nguồn nước củ tỉnh, ngành, lĩn vực (Điề 19); Các hoặ độnđ điề tra cơ bản khác (Điề 20); Trách nhiệ thực hiệ điề tra cơ bản tài nguồn nước (Điề 21); Kinh phí cho hoặ độnđ điề tra cơ bản tài nguồn nước (Điề 22); quy địn chung về lập, thắ địn, phê duyệ, điề chĩn quy hoặ có tĩn chất kỹ thuậ chuyề ngành về tài nguồn nước (Điề 23); Thắ địn nhiệ vụ lập quy hoặ (Điề 24); Phê duyệ nhiệ vụ lập quy hoặ (Điề 25); Lập quy hoặ (Điề 26); Lắ ý kiế về quy hoặ (Điề 27); Hội độnđ thắ địn quy hoặ (Điề 28); Nội dung thắ địn quy hoặ (Điề 29); Tổ chức thắ địn quy hoặ (Điề 30); Phê duyệ quy hoặ (Điề 31); Rằ soá, điề chĩn, đĩn chĩn quy hoặ (Điề 32); Danh mục lưu vực sông liền tỉnh phải lập quy hoặ (Điề 33).

Các nội dung về điề tra cơ bản đượ phắ triển và kế thừa một số quy địn cũn phù hợp củ Nghị địn số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 củ Chính phủ quy địn chi tiết thi hành một số điề củ Luật Tài nguồn nước. Các nội dung về quy hoặ đượ nghiền cứu xâ dựng mới trê cơ sở các quy địn củ Luật Tài nguồn nước năm 2023.

c) Chương III Bảo vệ tài nguồn nước và phục hồi nguồn nước (gồm 20 điề, từ Điề 34 đến Điề 53)

Chương này quy địn nhữn nội dung về: Nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ (Điề 34); Chức năng củ hành lang bảo vệ nguồn nước (Điề 35); Căn cứ xác địn phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (Điề 36); Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đố với hồ chứa thủy điể, thủy lợi và hồ chứa khác trê sông, suối (Điề 37); Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đố với sông, suối, kên, rạch (Điề 38); Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đố với hồ tự nhiên, hồ nhậ tạo ở đô thị, khu dân cư tậ trung và các nguồn nước khác (Điề 39); Lập, công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ (Điề 40); Cắ mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đố với hồ chứa thủy điể, thủy lợi (Điề 41); Xác địn mốc chỉ giới, cắ mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đố với các nguồn nước khác (Điề 42); Quản lý các hoặ độnđ trong hành lang bảo vệ nguồn nước (Điề 43); Trách nhiệ củ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhậ dân các cấp và các tổ chức, cá nhậ có liền quan (Điề 44); Nguyên tắc xác địn nguồg khai thắ, khoanh địn vùng cắ, vùng hạn chế và áp dụng biệ pháp hạn chế khai thắ nước dưói đấ (Điề 45); Xác địn nguồg khai thắ nước dưói đấ (Điề 46); Khoanh địn và việ áp dụng các biệ pháp trong vùng cắ khai thắ nước dưói đấ (Điề 47); Khoanh địn và việ áp dụng các

biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 48); Lập Danh mục và Bản đồ phân vùng ngưỡng khai thác nước dưới đất, vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 49); Phê duyệt, công bố Danh mục và Bản đồ phân vùng ngưỡng khai thác, vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 50); Phương án tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất (Điều 51); Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 52); Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất (Điều 53). Trong đó,

Các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước được kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, đồng thời, bổ sung mới những quy định phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Các quy định về hạn chế nước dưới đất được kế thừa một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất. Đồng thời, bổ sung những quy định mới, bỏ những nội dung không phù hợp.

Chương này cũng bổ sung các quy định mới về khoanh định vùng cấm khai thác nước dưới đất.

d) Chương IV Điều hòa, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước (gồm 18 Điều, từ Điều 54 đến Điều 71).

Chương này quy định những nội dung về: Quy định chung về điều hoà, phân phối tài nguyên nước (Điều 54); Nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích sử dụng nước trên lưu vực sông theo khả năng của nguồn nước (Điều 55); Trách nhiệm xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định phục vụ điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số (Điều 56); Quy định về kích bản nguồn nước trên lưu vực sông (Điều 57); Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các ngành có khai thác, sử dụng nước (Điều 58); Phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông (Điều 59); Điều hoà, phân phối khai thác tài nguyên nước nước dưới đất (Điều 60); Quy mô dự án chuyển nước phải lấy ý kiến chấp thuận và thời điểm lấy ý kiến (Điều 61); Hồ sơ đề nghị chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (Điều 62); Nội dung và trình tự thẩm định Hồ sơ đề nghị chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (Điều 63); Nội dung chấp thuận về phương án chuyển nước (Điều 64); Trách nhiệm thẩm định, chấp thuận, cho ý kiến về phương án chuyển nước (Điều 65); Điều kiện vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực (Điều 66); Trách nhiệm đầu tư xây dựng, vận hành hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực (Điều 67); Trình tự thẩm định phương án đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông (Điều 68); Cơ sở xác định hồ chứa, đập dâng đưa vào danh mục hồ chứa, đập dâng phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành (Điều 69); Nội dung chính của quy chế phối hợp vận hành các đập, hồ chứa bậc thang trên sông, suối (Điều 70); Trình tự phê duyệt quy chế phối hợp vận hành của các đập, hồ chứa bậc thang trên sông, suối (Điều 71).

Đây là chương xây dựng mới trên cơ sở các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

đ) Chương V Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra (gồm 26 Điều, từ Điều 72 đến Điều 97)

Chương này quy định những nội dung về: Lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (Điều 72); Phê duyệt, công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (Điều 73); Rà soát, điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (Điều 74); Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 75); Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện (Điều 76); Trách nhiệm của đơn vị quản lý ao, hồ, đầm, phá không được san lấp (Điều 77); Yêu cầu chung về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ (Điều 78); Yêu cầu về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông đối với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ (Điều 79); Yêu cầu về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông đối với hoạt động mở mới và nạo vét, khơi thông luồng, tuyến giao thông thủy thuộc vùng nước đường thủy nội địa (Điều 80); Yêu cầu đối với hoạt động kè bờ, gia cố bờ sông, hồ; san, lấp, lấn sông, hồ; cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông, hồ (Điều 81); Đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ và chấp thuận phương án thực hiện (Điều 82); Nội dung chấp thuận phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (Điều 83); Nội dung, yêu cầu đối với hoạt động điều phối, giám sát trên lưu vực sông (Điều 84); Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 85); Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 86); Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (Điều 87); Ủy ban lưu vực sông (Điều 88); Nguyên tắc làm việc (Điều 89); Hoạt động của Ủy ban lưu vực sông (Điều 90); Chế độ báo cáo và chia sẻ thông tin (Điều 91); Quy định chung về hạch toán tài nguyên nước (Điều 92); Hệ thống nhóm tài khoản trong hạch toán tài nguyên nước (Điều 93); Dữ liệu hạch toán tài nguyên nước (Điều 94); Chỉ số chính của hệ thống hạch toán tài nguyên nước (Điều 95); Trách nhiệm tổ chức thực hiện hạch toán tài nguyên nước (Điều 96); Lộ trình thực hiện hạch toán tài nguyên nước (Điều 97).

Trong đó, các quy định về tài nguyên nước được kế thừa từ các quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP. Các nội dung các được quy định mới phù hợp với Luật Tài nguyên nước năm 2023.

e) Chương VI Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và đối tượng, quy mô, chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước (gồm 27 Điều, từ Điều 98 đến Điều 124)

Chương này quy định những nội dung về: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 98); Yêu cầu của hệ thống hạ tầng mạng, máy chủ (Điều 99); Yêu cầu cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 100); Yêu cầu phần mềm quản lý (Điều 101); Yêu cầu về công nghệ thông tin của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 102); Cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 103); Văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước (Điều 104); Thông tin, dữ liệu về nguồn nước, lưu vực sông (Điều

105); Thông tin, dữ liệu về số lượng, chất lượng nước (Điều 106); Thông tin, dữ liệu về công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thông tin về kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước, cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước (Điều 107); Dữ liệu kiểm kê, điều tra, đánh giá tài nguyên nước, quy hoạch về tài nguyên nước (Điều 108); Thông tin, số liệu quan trắc về tài nguyên nước và số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn, chất lượng môi trường nước (Điều 109); Thông tin, dữ liệu khác có liên quan về tài nguyên nước (Điều 110); Thu thập thông tin, dữ liệu (Điều 111); Quy định về chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước giữa các đơn vị, cơ quan (Điều 112); Chế độ, thời hạn chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước (Điều 113); Xử lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu (Điều 114); Quy định về khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước quốc gia (Điều 115); Chế độ, thông số, chỉ tiêu quan trắc tài nguyên nước (Điều 116); Đối tượng phải thực hiện việc giám sát khai thác tài nguyên nước (Điều 117); Hình thức giám sát khai thác tài nguyên nước (Điều 118); Yêu cầu đối với thiết bị đo đạc, kết nối, truyền số liệu phục vụ giám sát (Điều 119); Hình thức giám sát hoạt động khai thác nước mặt để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt (Điều 120); Thông số, chế độ và chỉ tiêu giám sát hoạt động khai thác nước đối với công trình hồ chứa để phát điện (Điều 121); Thông số, chế độ và chỉ tiêu giám sát hoạt động khai thác đối với công trình hồ chứa để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cho các mục đích khác (Điều 122); Thông số, chế độ và chỉ tiêu giám sát hoạt động khai thác đối với công trình cống, trạm bơm và các công trình khai thác nước mặt khác (Điều 123); Thông số, chế độ và chỉ tiêu giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất (Điều 124).

Quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước là quy định mới, được quy định cụ thể để phù hợp với quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Quy định về giám sát khai thác tài nguyên nước được nghiên cứu xây dựng trên cơ sở nâng lên từ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đồng thời, bổ sung những quy định mới cho phù hợp.

f) Chương VII Điều khoản thi hành (gồm 2 Điều, từ Điều 125 đến Điều 126).

Chương này quy định những nội dung về: Điều khoản chuyển tiếp (Điều 125); Điều khoản thi hành (Điều 126).

V. VỀ BẢO ĐẢM NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí bảo đảm thực hiện Nghị định do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện Nghị định không làm phát sinh chi chí về nguồn nhân lực, tài chính so với việc thực hiện Luật Tài nguyên nước do vẫn thực hiện các công việc theo quy định của Luật Tài nguyên nước. Việc sử dụng kinh phí cho công tác thi hành pháp luật về tài nguyên nước đúng mục

đích, nội dung, chế độ và định mức chi theo quy định của pháp luật về các chế độ chi tiêu tài chính.

VI. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ngày ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số .../BTNMT-TNN gửi các Bộ, ngành có liên quan, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan đề nghị góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định. Đồng thời, Bộ cũng đã có Công văn số .../BTNMT-TNN ngày ... gửi Cổng thông tin điện tử của Chính phủ về việc đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến.

Ngày ..., Cổng thông tin điện tử của Chính phủ có Công văn số .../TTĐT-DLĐT, theo đó không nhận được sự đóng góp ý kiến của công dân, tổ chức đối với dự thảo Nghị định.

Về các ý kiến góp ý, đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được ý kiến góp ý bằng văn bản của .../... Bộ, ngành; .../63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; .../11 ý kiến của các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và .../... doanh nghiệp. Trên cơ sở các nội dung góp ý cho thấy về cơ bản các ý kiến góp ý đều thống nhất với hồ sơ Dự thảo Nghị định, đồng thời có ý kiến góp ý bổ sung để hoàn thiện, các ý kiến góp ý tập trung vào ... nội dung như sau:

...

VII. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ngày ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số .../BTNMT-TNN gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp thẩm định. Ngày ..., Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội đồng thẩm định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị gồm: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính... Ngày ..., Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định tại Báo cáo số .../BCTĐ-BTP.

Về cơ bản, Bộ Tư pháp đồng ý với sự cần thiết ban hành, bố cục và nội dung dự thảo Nghị định. Những ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa trực tiếp vào dự thảo Nghị định (*chi tiết tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước*).

VIII. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương cho thấy, về cơ bản các ý kiến thống nhất với phạm vi điều chỉnh, bố cục và những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, còn một số nội dung quy định còn có những ý kiến trái chiều, vì vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến của Chính phủ đối với việc bổ sung một số nội dung sau:

...

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định./.

(Hồ sơ gửi kèm theo gồm: dự thảo Tờ trình; dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; Bản sao ý kiến của các bộ, các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg CP Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, TNN.

BỘ TRƯỞNG

Đặng Quốc Khánh